

Số: 10 /BC-ĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN CAO HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị

Nội dung báo cáo:

Đề mục	Nội dung đề mục
Mục I	Mục đích khảo sát
Mục II	Quá trình thực hiện
Mục III	Thống kê kết quả
Mục IV	Kết quả khảo sát
	1. Thông tin cá nhân của học viên
	2. Năng lực và thái độ phục vụ của CBHT
	3. Kỹ năng và mức độ tích cực của CBGD
	4. Sự hài lòng về CTĐT
	5. Sự hài lòng về CSVC
	6. Sự hài lòng về chất lượng dịch vụ
	7. Sự hài lòng về chất lượng đào tạo
	8. Môn học mang lại giá trị nhiều nhất
	9. Đề xuất cải tiến CTĐT
Mục V	Kết luận và kiến nghị

I. [Mục đích khảo sát](#)

Thăm dò ý kiến học viên về hoạt động đào tạo sau đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, từ đó đưa ra những cải tiến phù hợp để nâng cao chất lượng của Nhà trường.

II. [Quá trình thực hiện](#)

1. Đối tượng khảo sát

Học viên cao học có kết quả “ĐẠT” khi bảo vệ Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ.

Có 155/162 (95,67%) Học viên đã tham gia khảo sát.

2. Phương pháp

Học viên thực hiện khảo sát online trên trang: khaosat.hcmute.edu.vn

3. Tần suất, thời gian

Tần suất thực hiện 1 lần/năm do Phòng Đào tạo chủ trì triển khai.

Thời gian thực hiện khảo sát từ ngày 25/5/2020 đến ngày 05/7/2020.

III. Thông kê kết quả

A. Mô tả phiếu khảo sát:

Phiếu khảo sát ý kiến học viên cao học về hoạt động đào tạo của Nhà trường bao gồm 3 phần:

Phần I. Thông tin cá nhân.

Phần II. Sự hài lòng của học viên về thái độ của cán bộ hỗ trợ, cán bộ giảng dạy, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ.

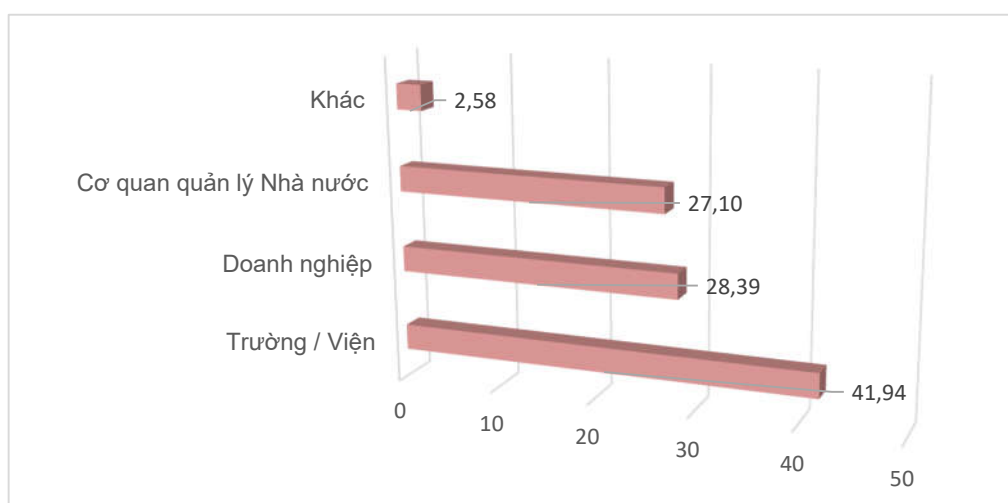
Phần III. Ý kiến đóng góp khác.

Trên giao diện của phần mềm khảo sát, Học viên có thể lựa chọn đáp án, đánh giá mức độ hài lòng theo 5 mức từ “Rất không hài lòng” đến “Rất hài lòng”, và đóng góp ý kiến dạng text ở phần III của phiếu khảo sát.

IV. Kết quả khảo sát

1. Thông tin cá nhân của học viên

a. Cơ quan công tác

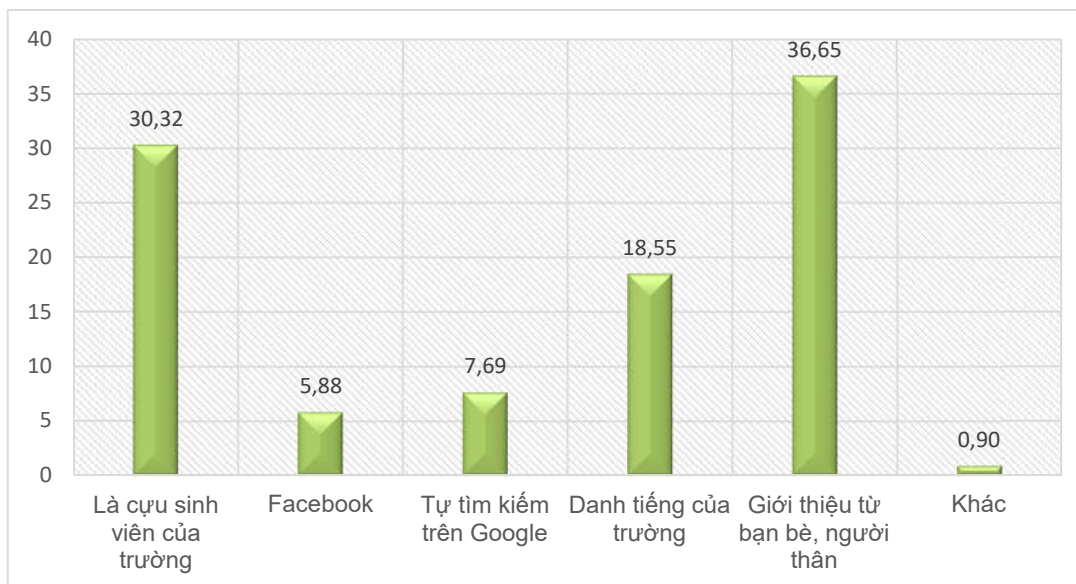


Hình 1. Cơ quan công tác của học viên

Theo hình 1 cho thấy có đến 41,94% học viên đang làm việc tại Trường/Viện; 28,39% học viên làm việc tại Doanh nghiệp và 27,10% học viên làm việc tại các Cơ

quan quản lý Nhà nước.

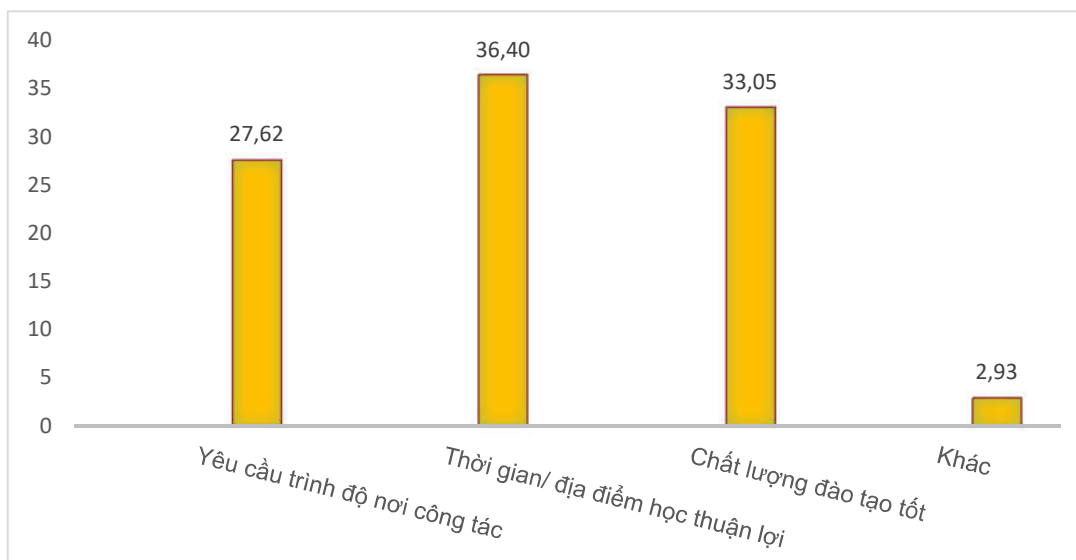
b. Kênh thông tin học viên biết đến CTĐT



Hình 2. Kênh thông tin Học viên biết đến CTĐT sau đại học

Đa số học viên biết đến CTĐT sau đại học nhờ vào sự giới thiệu của người thân, bạn bè với tỷ lệ là 36,65%; 30,32% học viên là thông tin từ cựu sinh viên và 18,55% học viên biết được thông tin nhờ vào danh tiếng của Trường.

c. Lý do học viên chọn khóa học này



Hình 3. Lý do học viên chọn khóa học này

Đa phần học viên chọn khóa học này là do thời gian/địa điểm thuận lợi với tỷ lệ 36,40%; chất lượng đào tạo tốt là 33,05% và 27,62% là do yêu cầu trình độ nơi công tác.

2. Sự hài lòng về năng lực và thái độ phục vụ của cán bộ hỗ trợ học viên

Bảng 1. Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV về năng lực và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên hỗ trợ

Nội dung	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng
1. Thái độ vui vẻ, tôn trọng khi tiếp xúc với người học.	3,23	3,87	92,90
2. Tư vấn có trách nhiệm và trả lời các thắc mắc, khiếu nại thỏa đáng người học	3,87	3,23	92,90
3. Chuyên nghiệp, am hiểu quy định, quy trình, tư vấn giải quyết linh động, nhanh chóng.	4,52	3,87	91,61
4. Chủ nhiệm ngành, cố vấn học tập cung cấp thông tin hữu ích về việc học tập, nghiên cứu trong suốt quá trình học và làm luận văn.	3,87	1,94	94,19
Trung bình chung	3,87	3,23	92,90

Nhìn chung học viên hài lòng về năng lực và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên hỗ trợ, trung bình đạt 92,90%.

3. Sự hài lòng về kỹ năng và mức độ tích cực của cán bộ giảng dạy

Bảng 2. Kết quả khảo sát sự hài lòng của SV về kỹ năng và mức độ tích cực của cán bộ giảng dạy

Nội dung	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng
1. Các giảng viên giới thiệu đầy đủ mục tiêu, nội dung, kế hoạch giảng dạy môn học và thực hiện đúng những gì đã đề ra.	3,23	3,23	93,55
2. Các giảng viên áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực, có kết nối với thực tiễn nhằm khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm; đánh giá kết quả học tập dựa trên các chuẩn đầu ra một cách công bằng, tin cậy.	3,23	3,23	93,55
3. Trong quá trình học, anh/chị được cung cấp đầy đủ thông tin về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập và được phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá để cải tiến việc học.	3,23	3,23	93,55
4. Giảng viên hướng dẫn theo sát, hướng dẫn học thuật, kích thích khả	3,23	2,58	94,19

năng nghiên cứu giúp hoàn thành tốt chuyên đề và luận văn tốt nghiệp.			
Trung bình chung	3,23	3,07	93,71

Học viên hài lòng về kỹ năng và mức độ tích cực của cán bộ giảng dạy, trung bình chung đạt 93,71%.

4. Sự hài lòng về chương trình đào tạo

Bảng 3. Kết quả khảo sát sự hài lòng của Học viên về chương trình đào tạo

Nội dung	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng
1. Cấu trúc, số lượng các môn học trong chương trình là phù hợp, tổ chức một cách có hệ thống giúp anh/chị chủ động lựa chọn học phần.	3,23	4,52	92,26
2. Thời khóa biểu học được sắp xếp phù hợp, đảm bảo khả năng tiếp thu cho học viên.	3,87	1,94	94,19
3. CTĐT giúp anh/chị phát triển các năng lực thu thập, xử lý thông tin, giải quyết vấn đề, giao tiếp, thuyết trình, nghiên cứu.	3,87	1,29	94,84
4. CTĐT giúp anh/chị nâng cao năng lực nghề nghiệp của bản thân	3,87	3,87	92,26
Trung bình chung	3,71	2,91	93,39

5. Sự hài lòng về cơ sở vật chất

Bảng 4. Kết quả khảo sát học viên về cơ sở vật chất

Nội dung	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng
1. Các phòng học, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu.	3,23	5,81	90,97
2. Website, thư điện tử, các trang mạng quản lý sau đại học cung cấp đầy đủ thông tin, thuận tiện khi sử dụng.	4,52	4,52	90,97
3. Thư viện có nguồn tham khảo đầy đủ và luôn sẵn sàng phục vụ.	4,52	7,74	87,74
4. Mạng Wifi đáp ứng hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu.	8,39	18,06	73,55
5. Hệ thống nhà vệ sinh, các khu vực công cộng sạch sẽ, thuận tiện cho người sử dụng.	6,45	9,03	84,52
Trung bình chung	5,42	9,03	85,55

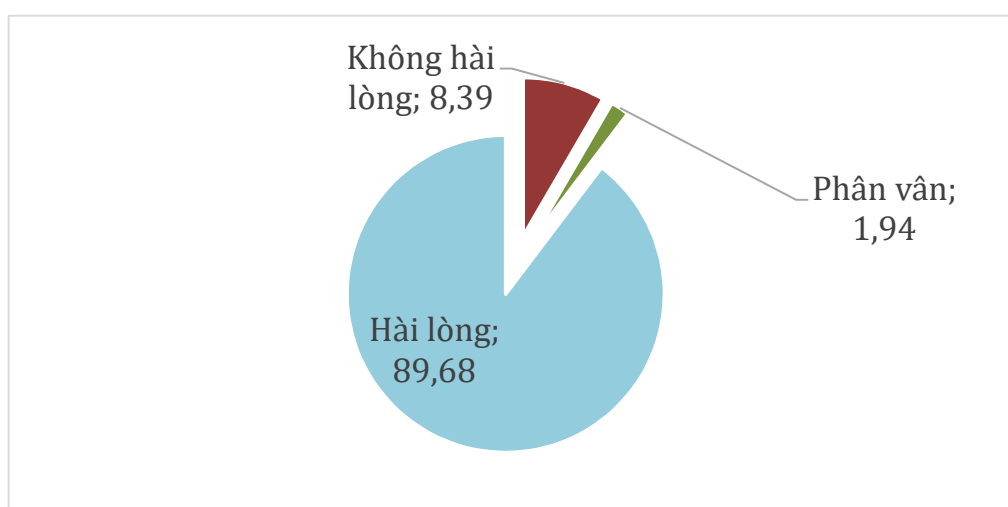
Học viên hài lòng về CSVC đạt 85,55%; tuy nhiên có 1 tiêu chí là hệ thống mạng wifi có tỷ lệ hài lòng là 73,55% đáp ứng hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu. Nhà trường cần có giải pháp nâng cấp để cải thiện tỷ lệ này.

6. Sự hài lòng về chất lượng dịch vụ của Nhà trường

Bảng 5. Kết quả khảo sát học viên về chất lượng dịch vụ của Nhà trường

Nội dung	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng
1. Các thông tin hướng dẫn tại các khu vực công cộng, tại các đơn vị trong trường đầy đủ, rõ ràng.	5,16	3,87	90,97
2. Bãi giữ xe đáp ứng được nhu cầu của tôi (vị trí thuận tiện, bố trí hợp lý, diện tích rộng rãi, thái độ nhân viên, v.v)	7,10	10,32	82,58
3. Tôi đóng học phí một cách nhanh chóng, dễ dàng.	3,87	1,94	94,19
Trung bình chung	5,38	5,38	89,25

7. Sự hài lòng chung về chất lượng đào tạo sau đại học của Trường



Hình 4. Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo sau đại học

Biểu đồ hình 4 cho thấy có 89,68% học viên hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học; 8,39% học viên không hài lòng và 1,94% học viên còn phân vân.

8. Môn học nào của khóa học là hữu ích hoặc mang lại giá trị nhiều nhất

Các môn học của khoá học được học viên yêu thích sắp xếp theo ngành học như sau:

- Ngành Công nghệ Thực phẩm: Protein and Enzyme.
- Ngành Giáo dục học: Lý thuyết học tập và mô hình dạy học, lý luận và phương pháp dạy học, tâm lý học quản lý, giáo dục học suốt đời, công nghệ dạy học, Đo lường

đánh giá trong giáo dục.

- Ngành Kỹ thuật Cơ điện tử: Thiết kế kỹ thuật nâng cao.
- Ngành Kỹ thuật cơ khí: Tối ưu hóa sản xuất, Hệ thống sản xuất nâng cao, Đo lường nâng cao, Quy hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm (Từ K.14B), Hệ thống sản xuất nâng cao, Cơ học vật liệu Composite.
- Kỹ thuật Cơ khí Động lực: Điện ô tô, Mô hình hóa và mô phỏng ô tô, Phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Ngành Kỹ thuật Điện: Điện tái tạo và ứng dụng, Công nghệ nhà máy điện, Vận hành hệ thống điện, Thiết bị Fact trong hệ thống điện, Kinh tế điện, Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống điện, Ứng dụng công nghệ tri thức trong hệ thống điện.
- Ngành Kỹ thuật Điện tử: Đo lường thông minh, Điện tử công suất nâng cao, Lý thuyết thông tin và mã, Xử lý ảnh nâng cao, Fuzzy và Neural network.
- Ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa: Kỹ thuật robot, Xử lý ảnh, Thị giác máy.
- Ngành Kỹ thuật Nhiệt: Truyền nhiệt nâng cao, Năng lượng tái tạo, Thiết kế hệ thống nhiệt, Công nghệ sấy hiện đại, Động lực học lưu chất tính toán, Thu hồi nhiệt thải, Động lực học lưu chất tính toán (Computational Fluid Dynamics - CFD).
- Ngành Kỹ thuật Xây dựng: Cơ học vật rắn biến dạng, Tính toán kết cấu bê tông cốt thép nâng cao, Công nghệ vật liệu xây dựng nâng cao.
- Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Phương pháp phần tử hữu hạn trong tính toán xây dựng, Kết cấu bê tông cốt thép nâng cao.
- Ngành Khoa học Máy tính: Hệ cơ sở dữ liệu nâng cao, Máy học, Cấu trúc giải thuật nâng cao, Khai phá dữ liệu chuỗi thời gian, An ninh mạng, CSDL nâng cao.
- Ngành Lý luận và phương pháp dạy học công nghệ: Lý thuyết học tập và mô hình dạy học, Phương pháp dạy học chuyên ngành.
- Ngành Quản lý Kinh tế: Quản lý Kinh tế nhà nước, Quản trị chiến lược, Tài chính công, Kinh tế phát triển, lãnh đạo và quản lý, Kinh tế quốc tế, Kinh tế học, Quản trị Marketing.

9. Đề xuất cải tiến chương trình đào tạo

Có 65 học viên đề xuất một số nội dung cần cải tiến như sau:

Về CSVC/thiết bị

- Cần cải thiện hệ thống truy cập mạng wifi.
- Về phòng học: Máy chiếu và thiết bị âm thanh chất lượng còn thấp; cần trang bị máy lạnh để học viên có thể thoải mái trong quá trình học.
- Nâng cấp bãi giữ xe và nhà vệ sinh (trong nhà vệ sinh nữ thường xuyên và luôn luôn không có giấy; nhất là các nhà vệ sinh trên tầng 2, phía gần căn tin).
- Cần bổ sung thêm thiết bị đo nhiệt độ trong quá trình làm thí nghiệm.

Về CTĐT

- Cần tập trung nhiều đối với môn Phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Môn Tiếng Anh là môn học mà học viên gặp nhiều khó khăn nhất, nên tăng thời lượng dạy nhiều hơn nữa.
- Cần thêm môn học về lĩnh vực quản lý ngân hàng; môn học Phương pháp nghiên

cứu kinh tế chưa được hướng dẫn sâu.

- Nên sắp xếp các môn học giữa học kỳ làm chuyên đề phù hợp hơn.

Về Giảng viên, CBHT

- Giảng viên hướng dẫn cần có thời gian tương tác với học viên nhiều hơn trong quá trình làm luận văn tốt nghiệp.

- GV cần cung cấp nhiều thông tin hoặc chia sẻ nhiều hơn về chuyên môn hơn với học viên.

- Giảng viên không nên dồn các buổi học lại trong tuần làm cho người học khó sắp xếp thời gian dự lớp.

- Tăng cường giảng dạy trực tuyến trong quá trình dạy và học; kết hợp và tận dụng CNTT vào quá trình dạy và học.

- Cần bổ sung người quản lý, hướng dẫn cơ bản về cách sử dụng thiết bị máy móc để cho học viên làm thực nghiệm tạo điều kiện dễ dàng hơn cho học viên thực hiện đề tài tốt nghiệp.

- Cán bộ hướng dẫn cần sớm hỗ trợ các thủ tục và linh động hơn. Giảm bớt thủ tục tốt nghiệp.

V. Kết luận và kiến nghị

Đây là đợt khảo sát đầu tiên dành cho đối tượng là học viên cao học, tỷ lệ người tham gia khảo sát 95,67%, độ tin cậy của kết quả khảo sát ở mức cao.

Đa số học viên hài lòng với CTĐT, chất lượng đào tạo; tuy nhiên lĩnh vực cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cao học, mức độ hài lòng của học viên chưa cao, nhiều ý kiến phản hồi mong muốn nhà trường cần có những cải tiến như:

- Tăng cường chất lượng mạng wifi.

- Nâng cấp trang bị phòng học lý thuyết: Thiết bị trình chiếu, âm thanh, trang bị máy lạnh.

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để phối hợp thực hiện);
- Lưu phòng ĐBCL.



GVC. ThS. Đinh Thành Ngân